

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/DSST
Ngày: 21- 03- 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Đăng Tuấn
- Bà Trần Thị Nơi

Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Đình Trường- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

Trong ngày 21 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2024/TLST- DSST ngày 17 tháng 01 năm 2024 về việc: tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXX-ST ngày 04 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Bùi Thị T, sinh năm 1977
- Bị đơn: chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982

Đều có địa chỉ: thôn H, xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình

(Chị T có mặt tại phiên tòa. Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Bùi Thị T trình bày:

Chị và chị H có quan hệ họ hàng (mợ-cháu) nên chị có tham gia chơi phường do chị H làm chủ phường từ tháng 02/2016 đến năm 2022. Do số tiền chơi phường nộp thành nhiều đợt nên chị và chị H thống nhất chị không lấy tiền phường về mà cộng tổng tiền phường chuyển thành tiền chị H vay chị là số tiền 153.000.000 đồng, sau đó chị H nói chị đưa thêm 7.000.000 đồng để đủ 160.000.000 đồng. Chị H có viết giấy vay tiền đề ngày 24/02/2022 vay chị số tiền là 160.000.000 đồng, lãi suất 0,7%/năm, không có thời hạn vay mà thoả thuận khi nào chị cần tiền thì báo trước cho chị H 3-4 ngày chị H sẽ trả. Số tiền chị cho chị H vay không liên

quan đến chồng chị và chồng chị **H**. Đến tháng 3/2022 chị nghe tin chị **H** vỡ nợ nên có đến đòi tiền nhiều lần nhưng chị **H** không trả. Chị đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị **H** phải trả chị số tiền nợ gốc 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng), không yêu cầu phải trả tiền lãi suất.

Ngay sau khi Tòa án thụ lý vụ án, vào ngày 18/01/2024 dương lịch giữa chị và chị **H** đã có thoả thuận giải quyết số nợ như sau: số tiền nợ gốc 160.000.000 đồng chị **H** nợ chị sẽ để lại 60.000.000 đồng cho đến khi nào chị **H** làm ăn có được thì sẽ trả chị; còn lại số tiền 100.000.000 đồng nợ gốc thì chị **H** đã trả chị 80.000.000 đồng. Chị **H** đã tự gạch chéo vào tờ giấy biên nhận nợ gốc số tiền 160.000.000 đồng và ghi vào mặt sau tờ giấy này là: đã thanh toán xong món này. Đồng thời, chị **H** ghi tờ giấy biên nhận khác có nội dung chị **H** còn nợ chị số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và hẹn chị đến ngày 10/01/2024 âm lịch sẽ trả chị nhưng đến nay chị **H** không trả.

Tại phiên tòa, chị thay đổi rút một phần yêu cầu khởi kiện, chị chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị **H** phải trả chị số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) theo giấy biên nhận chị **H** đã viết cho chị vào ngày 18/01/2024 dương lịch. Chị không yêu cầu chị **H** phải trả tiền lãi suất và không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn là chị **Nguyễn Thị H** trong bản tự khai đã trình bày: vào ngày 24/02/2022 chị có vay của chị **Bùi Thị T** số tiền 160.000.000 đồng, lãi suất 0,7%/tháng, không có thời hạn vay. Đây là khoản tiền chị vay riêng chị **T** không liên quan đến chồng của chị. Mục đích chị vay tiền để cho người khác vay lại. Chị **T** có đến đòi chị nhiều lần sau đó khởi kiện ra Tòa án nhưng do điều kiện khó khăn chị xin được trả dần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là chị **Nguyễn Thị H** có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có nơi cư trú tại **huyện H, tỉnh Thái Bình** và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giải quyết nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng vay tài sản không có thời hạn giữa

nguyên đơn và bị đơn được thực hiện từ ngày 24/02/2022; hai bên thỏa thuận khi nguyên đơn yêu cầu trả tiền thì bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn nhưng bị đơn không trả. Ngày 13/11/2023, nguyên đơn có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn. Căn cứ Điều 429 Bộ luật Dân sự, xác định thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[4] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn là chị **Bùi Thị T** với yêu cầu khởi kiện ban đầu yêu cầu bị đơn là chị **Nguyễn Thị H** phải trả số tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng). Tại phiên toà, nguyên đơn thay đổi rút một phần yêu cầu khởi kiện; chỉ yêu cầu Toà án giải quyết buộc chị **H** phải trả chị số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) theo giấy biên nhận chị **H** đã viết cho chị vào ngày 18/01/2024 dương lịch. Chứng cứ nguyên đơn xuất trình tại phiên toà là tờ giấy biên nhận vay tiền đề ngày 24/02/2022, số tiền vay là 160.000.000 đồng (bản gốc đã bị gạch chéo tờ giấy) và tờ giấy biên nhận chị **H** còn nợ chị số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 18/01/2024 (bản gốc).

Xét việc vay tiền đã được chị **H** xác nhận còn nợ chị **T** số tiền gốc là 160.000.000 đồng; trước khi mở phiên toà, hai bên đã thỏa thuận thanh toán một phần số tiền nợ gốc. Tại phiên toà, chị **T** thay đổi rút một phần yêu cầu khởi kiện; chỉ yêu cầu Toà án giải quyết buộc chị **H** phải trả chị số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất. Vì vậy, căn cứ vào Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **T**, buộc chị **H** có trách nhiệm trả chị **T** số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 280, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

X:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị **Bùi Thị T**.
2. Buộc chị **Nguyễn Thị H** phải trả chị **Bùi Thị T** số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ

ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7; 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị **Bùi Thị T** không phải chịu án phí phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại chị **T** số tiền 4.000.000 (Bốn triệu đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003607 ngày 17/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Chị **Nguyễn Thị H** phải nộp 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn là chị **Bùi Thị T** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là chị **Nguyễn Thị H** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hưng Hà,
- Các đương sự,
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thế Hùng

